

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

MÃ NGÀNH : 7810103

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 576 /QĐ-UEF ngày 29/7/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**
- Tên tiếng Anh: **TOURISM AND TRAVEL MANAGEMENT**

Trình độ đào tạo: Đại học.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Tourism and Travel Management.

Hình thức đào tạo: Chính quy.

Bậc trình độ: Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Khóa học áp dụng: 2025 - 2029.

1.2. Mục tiêu đào tạo:

a) Mục tiêu chung (Program Goals)

Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành theo định hướng nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe; có kiến thức toàn diện, chuyên sâu về quản trị du lịch và lữ hành, am hiểu rộng về văn hóa – xã hội; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, chuẩn quy trình nghiệp vụ, thuần thục các kỹ năng mềm, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ, có kinh nghiệm thực tế và tầm nhìn quản trị đáp ứng yêu cầu ngày càng cao tại các doanh nghiệp lữ hành trong và ngoài nước; có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, có năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp, hội nhập toàn cầu và thích nghi với sự biến đổi môi trường tự nhiên và xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

- PO1 (Kiến thức). Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lĩnh vực du lịch và lữ hành và các kiến thức bổ trợ cần thiết để phục vụ yêu cầu công việc; có năng lực ứng dụng kiến thức để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực du lịch và lữ hành;

- PO2 (Kỹ năng). Trang bị, rèn luyện cho người học kỹ năng thực hành các nghiệp vụ chuyên môn: thiết kế tour, điều hành tour, hướng dẫn viên du lịch, sale & marketing, quản

trị nhân sự du lịch, vận hành và quản lý những hoạt động liên quan đến các bộ phận tại các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp dịch vụ du lịch, lữ hành, vận chuyển, xuất nhập cảnh, ... Ứng dụng kiến thức chuyên môn và liên ngành để giải quyết những vấn đề thực tế; kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập hội nhập toàn cầu.

- PO3 (Mức tự chủ và trách nhiệm). Hình thành và phát triển cho người học ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cộng đồng; năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và phối hợp với người khác trong học tập, nghiên cứu và làm việc, thích nghi với các môi trường làm việc đa văn hóa và hội nhập.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: 557/QĐ-UEF ngày 24/7/2025 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2025.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 125 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
1	Kiến thức giáo dục đại cương	41	41		32,8%
1.1	Khoa học xã hội	6	6	-	
1.2	Khoa học chính trị	11	11	-	
1.3	Pháp luật	3	3	-	
1.4	Tin học	3	3	-	
1.5	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	18	18	-	
2	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	-	14,4%
3	Kiến thức chuyên ngành	45	30	15	36,0%
4	Kiến thức bổ trợ	12	6	6	9,6%
5	Thực tập thực tế	9	3	6	7,2%
6	Kiến thức không tích lũy				
6.1	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)			√	
6.2	Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)		√		
	Tổng cộng	125	98 (78,4%)	27 (21,6%)	

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1. Kiến thức giáo dục đại cương						41							
1.1. Khoa học xã hội						6							
1.1.1	TOU1134	Văn hóa du lịch	Tourism Culture	BB		3	3						x
1.1.2	TOU1146	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch và khách sạn	Researching Methods in Tourism and Hospitality	BB		3	3						x
1.2. Khoa học chính trị						11							
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB		3	3						
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB		2	2						
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB		2	2						
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB		2	2						
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB		2	2						
1.3. Pháp luật						3							
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB		3	3						x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
1.4. Tin học						3							
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB		3	2	1					x
1.5. Ngoại ngữ						18							
1.5.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	BB		3	3						x
1.5.2	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	BB		3	3						x
1.5.3	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	BB		3	3						x
1.5.4	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	BB		3	3						x
1.5.5	ENG3205	Tiếng Anh 5	English 5	BB		3	3						x
1.5.6	ENG3206	Tiếng Anh 6	English 6	BB		3	3						x
2. Kiến thức cơ sở ngành						18							
2.1	ECO1101	Kinh tế vi mô	Microeconomics	BB		3	3						x
2.2	MKT1101E	Marketing căn bản	Principles of Marketing	BB	E	3	3						x
2.3	MGT1101	Quản trị học	Principles of Management	BB		3	3						x
2.4	TOU1101	Tổng quan du lịch	Introduction to Tourism	BB		3	3						x
2.5	TOU1135E	Tiếng Anh dịch vụ	English for Service Industry	BB	E	3	3						x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
2.6	HMM1103E	Quản trị nhân sự trong du lịch	Human Resource Management in Tourism	BB	E	3	3				MGT1101		x
3. Kiến thức chuyên ngành						45							
3.1	TOU1205	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	Psychology and Communication Skills in Tourism	BB		3	2	1					x
3.2	TOU1120	Tuyến điểm du lịch	Tourism Route and Destinations	BB		3	2	1			TOU1101		x
3.3	TOU1126	Thiết kế và tính giá tour	Tour Design and Pricing	BB		3	3				TOU1120		x
3.4	TOU1127E	Điều hành tour	Tour Operations	BB	E	3	3				TOU1126		x
3.5	TOU1129	Nghệp vụ hướng dẫn 1	Tour Guide Practice 1	BB		2	1	1			TOU1120		x
3.6	TOU1130E	Nghệp vụ hướng dẫn 2	Tour Guide Practice 2	BB	E	3	2	1			TOU1120		x
3.7	MGT1121E	Quản trị lữ hành	Travel Management	BB	E	3	3				TOU1101, MGT1101		x
3.8	TOU1131E	Nghệp vụ kinh doanh dịch vụ lữ hành	Travel Service Business	BB	E	3	2	1			MGT1121E		x
3.9	TOU1125E	Quản trị hội nghị và sự kiện	Conference and Event Management	BB	E	3	3						x
3.10	TOU2321	Chuyên đề lữ hành 1	Travel Seminar 1	BB		1				1			x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.11	TOU2315E	Chuyên đề lữ hành 2	Travel Seminar 2	BB	E	1				1	TOU1126		x
3.12	TOU2316E	Chuyên đề lữ hành 3	Travel Seminar 3	BB	E	2				2	TOU1209E TOU2315E		x
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau</i>											
Chuyên ngành 1.		<i>Quản trị du lịch quốc tế</i>	<i>International Tourism Management</i>										
3.13.1	TOU1136E	Địa lý du lịch thế giới	World Tourism Geography	TC	E	3	3						x
3.14.1	TOU1111E	Du lịch Mice	MICE Tourism	TC	E	3	3						
3.15.1	TOU1137E	Xu hướng du lịch	Tourism Trends	TC	E	3	3						
3.16.1	TOU1103	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	Strategic Management in Tourism Organization	TC		3	3				MGT1121E		
3.17.1	TOU1138	Quản trị dịch vụ du lịch cao cấp	Luxury Tourism Management	TC		3	3				TOU1127E TOU1131E		
Chuyên ngành 2.		<i>Quản trị điểm đến</i>	<i>Destination Management</i>										
3.13.2	TOU1139E	Quản trị du lịch bền vững	Sustainable Tourism Management	TC	E	3	3						x

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
3.14.2	TOU1140	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm du lịch	Tourism Product Research and Development	TC		3	3				TOU1146		
3.15.2	TOU1141E	Du lịch thông minh	Smart Tourism	TC	E	3	3						
3.16.2	TOU1142E	Marketing điểm đến du lịch	Tourism Destination Marketing	TC	E	3	3				MKT1101E		
3.17.2	TOU1143	Khởi nghiệp kinh doanh lễ hành	Travel Business Starup	TC		3	3				MGT1121E		
4. Kiến thức bổ trợ						12							
4.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB		3	3						x
4.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB		3	3				SKI1107		x
		Sinh viên chọn 2 trong các học phần sau											
4.3	DMK1101	Công dân số	Digital Citizenship	TC		3	3						
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu	Global Citizenship	TC		3	3						
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	Japanese Concepts to Win Friends and Influence People	TC		3	3						
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	Country Studies of Japan	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	Country Studies of China	TC		3	3						
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	World Economics Geography	TC		3	3						
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	Mental Health Education	TC		3	3						
4.10	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	TC		3	3						
4.11	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	Equity and Trust Law	TC		3	3						
4.12	LAW1111	Luật thương mại	Commercial Law	TC		3	3						
4.13	LAW1116	Luật quốc tế	International Law	TC		3	3						
4.14	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	The Basic of Arts	TC		3	3						
4.15	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	Arts of Leadership	TC		3	3						
4.16	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	Professional Personal Branding	TC		3	3						
4.17	IRE1130	Nghệ vụ ngoại giao	Diplomatic Protocol	TC		3	3						
4.18	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	Introduction to Digital Transformation	TC		3	3						
4.19	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	Global Issues	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
4.20	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Applied Data Analytics	TC		3	3						
4.21	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	Enterprises Law	TC		3	3						
4.22	IRE1151	Phát triển bền vững	Sustainable Development	TC		3	3						
4.23	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	Personal Financial Management	TC		3	3						
4.24	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	Global Strategic Management	TC		3	3						
4.25	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	Communication Psychology	TC		3	3						
4.26	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	Creative Presentation	TC		3	3						
4.27	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	Aesthetic Thinking	TC		3	3						
4.28	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn	Diplomatic Reception and Table Art	TC		3	3						
4.29	SOS1108	Văn hóa các nước Đông Nam Á	Cultures of Southeast Asia Countries	TC		3	3						
4.30	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	Korean Traditional Culture	TC		3	3						
4.31	IRE1138	Văn minh nhân loại	Human Civilization	TC		3	3						

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
5. Thực tập thực tế						9							
5.1	TOU1323	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB		3				3			
		<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:</i>											
5.2	TOU1418	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC		6			6				
5.3	TOU1419	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC		6			6				
6. Kiến thức không tích lũy						3							
6.1. Giáo dục thể chất <i>(sinh viên chọn 1 trong 5 nhóm sau)</i>						3							
		<i>Nhóm 1</i>											
6.1.1.1	GYM1311	Giáo dục thể chất - Aerobic 1	Physical Education 1 - Aerobic	TC		1		1					
6.1.2.1	GYM1312	Giáo dục thể chất - Aerobic 2	Physical Education 2 – Aerobic	TC		1		1					
6.1.3.1	GYM1313	Giáo dục thể chất - Aerobic 3	Physical Education 3 - Aerobic	TC		1		1					
		<i>Nhóm 2</i>											
6.1.1.2	GYM1321	Giáo dục thể chất - Vovinam 1	Physical Education 1 - Vovinam	TC		1		1					
6.1.2.2	GYM1322	Giáo dục thể chất - Vovinam 2	Physical Education 2 - Vovinam	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.3.2	GYM1323	Giáo dục thể chất - Vovinam 3	Physical Education 3 - Vovinam	TC		1		1					
		<i>Nhóm 3</i>											
6.1.1.3	GYM1331	Giáo dục thể chất - Boxing 1	Physical Education 1 - Boxing	TC		1		1					
6.1.2.3	GYM1332	Giáo dục thể chất - Boxing 2	Physical Education 2 – Boxing	TC		1		1					
6.1.3.3	GYM1333	Giáo dục thể chất - Boxing 3	Physical Education 3 - Boxing	TC		1		1					
		<i>Nhóm 4</i>											
6.1.1.4	GYM1341	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 - Body-building	TC		1		1					
6.1.2.4	GYM1342	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 - Body-building	TC		1		1					
6.1.3.4	GYM1343	Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 - Body-building	TC		1		1					
		<i>Nhóm 5</i>											
6.1.1.5	GYM1351	Giáo dục thể chất - Dancesport 1	Physical Education 1 - Dancesport	TC		1		1					
6.1.2.5	GYM1352	Giáo dục thể chất - Dancesport 2	Physical Education 2 – Dancesport	TC		1		1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	Học phần điều kiện (*)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT			
6.1.3.5	GYM1353	Giáo dục thể chất - Dancesport 3	Physical Education 2 - Dancesport	TC		1		1					
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)													
6.2.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Military Education	BB									

Ghi chú: BB: Bắt buộc; TC: Tự chọn; E: Học phần giảng dạy bằng Tiếng Anh; LT: Lý thuyết; TH: Thực hành; ĐA: Đồ án/ Khóa luận; TT: Thực tập, thực tế.

Học phần điều kiện (*): đánh dấu X - các học phần cốt lõi sinh viên phải học trước khi đăng ký Thực tập tốt nghiệp; Học phần Chuyên đề tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp đăng ký thực hiện song hành hoặc sau khi hoàn thành Thực tập tốt nghiệp.

2.3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
Năm 1															
01	1A	ENG3201	Tiếng Anh 1	English 1	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	TOU1101	Tổng quan du lịch	Introduction to Tourism	BB			3	45	45				135	QTDL KS
03	1B	ENG3202	Tiếng Anh 2	English 2	BB			3	45	45				135	TA
04	1B	TOU1134	Văn hóa du lịch	Tourism Culture	BB			3	45	45				135	QTDL KS
05	1B	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	Informatics and Applied Artificial Intelligence	BB			3	60	30	30			180	CNTT
			Cộng (HK 1A+1B)					15							
06	2A	ENG3203	Tiếng Anh 3	English 3	BB			3	45	45				135	TA
07	2A	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB			3	45	45				135	PD
08	2A	TOU1120	Tuyến điểm du lịch	Tourism Route and Destinations	BB	TOU1101		3	60	30	30			180	QTDL KS
09	2B	ENG3204	Tiếng Anh 4	English 4	BB			3	45	45				135	TA
10	2B	LAW1101	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	BB			3	45	45				135	LUAT

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
11	2B	TOU2321	Chuyên đề lễ hành 1	Travel Seminar 1	BB			1					X	0	QTDL KS
			Cộng (HK 2A+2B)					16							
Năm 2															
01	1A	ENG3205	Tiếng Anh 5	English 5	BB			3	45	45				135	TA
02	1A	MGT1101	Quản trị học	Principles of Management	BB			3	45	45				135	QTKD
03	1A	TOU1205	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	Psychology and Communication Skills in Tourism	BB			3	45	45				135	QTDL KS
04	1B	ENG3206	Tiếng Anh 6	English 6	BB			3	45	45				135	TA
05	1B	ECO1101	Kinh tế vi mô	Microeconomics	BB			3	45	45				135	KT
06	1B	MGT1121E	Quản trị lễ hành	Travel Management	BB	TOU1101, MGT1101		3	45	45				135	QTDL KS
07	1B	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341/ GYM1351	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ	Physical Education 1 - Aerobic Physical Education 1 - Vovinam Physical Education 1 -	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			1/ Giáo dục thể chất - DanceSport 1	Boxing Physical Education 1 - Body-building Physical Education 1 - DanceSport											
			Cộng (HK 1A+1B)					19							
08	2A	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB	SKI1107		3	45	45				135	PD
09	2A	TOU1126	Thiết kế và tính giá tour	Tour Design and Pricing	BB			3	45	45				135	QTDL KS
10	2A	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB			2	30	30				90	LL-TC
11	2A	GYM1312/ GYM1322/ GYM1332/ GYM1342/ GYM1352	Giáo dục thể chất - Aerobic 2/ Giáo dục thể chất - Vovinam 2/ Giáo dục thể chất - Boxing 2/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2/ Giáo dục thể chất - DanceSport 2	Physical Education 2 - Aerobic Physical Education 2 - Vovinam Physical Education 2 - Boxing Physical Education 2 - Body-building	TC			1	30		30			90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
				Physical Education 2 - DanceSport											
12	2B	TOU1135E	Tiếng Anh dịch vụ	English for Service Industry	BB		E	3	45	45				135	QTDL KS
13	2B	TOU1146	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch và khách sạn	Researching Methods in Tourism and Hospitality	BB			3	45	45				135	QTDL KS
14	2B	GYM1313/ GYM1323/ GYM1333/ GYM1343/ GYM1353	Giáo dục thể chất - Aerobic 3/ Giáo dục thể chất - Vovinam 3/ Giáo dục thể chất - Boxing 3/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3 Giáo dục thể chất - DanceSport 3	Physical Education 3 - Aerobic Physical Education 3 - Vovinam Physical Education 3 - Boxing Physical Education 3 - Body-building Physical Education 3 - DanceSport	TC			1	30		30			90	LL-TC
15	2B	TOU2315E	Chuyên đề lễ hành 2	Travel Seminar 2	BB		E	1					X	0	QTDL KS

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
			Cộng (HK 2A+2B)					17							
		MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education					165						PĐT
Năm 3															
01	1A	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB			3	45	45				135	LL-TC
02	1A	TOU1129	Nghệ vụ hướng dẫn 1	Tour Guide Practice 1	BB	TOU1120		2	45	15	30			135	QTDL KS
03	1A	MKT1101E	Marketing căn bản	Principles of Marketing	BB		E	3	45	45				135	MAR
04	1B	TOU1131E	Nghệ vụ kinh doanh dịch vụ lữ hành	Travel Service Business	BB		E	3	60	30	30			180	QTDL KS
05	1B	TOU1130E	Nghệ vụ hướng dẫn 2	Tour Guide Practice 2	BB			3	60	30	30			180	QTDL KS
06	1B		Học phần tự chọn 1		TC			3	45	45				135	
			Cộng (HK 1A+1B)					17							
07	2A	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB			2	30	30				90	LL-TC

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
08	2A	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB			2	30	30				90	LL-TC
09	2A	TOU1127E	Điều hành tour	Tour Operations	BB		E	3	45	45				135	QTDL KS
10	2A	TOU2316E	Chuyên đề lễ hành 3	Travel Seminar 3	BB	TOU1209E TOU1315	E	2					X	0	QTDL KS
11	2B	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB			2	30	30				90	LL-TC
12	2B	HMM1103E	Quản trị nhân sự trong du lịch	Human Resource Management in Tourism	BB		E	3	45	45				135	QTDL KS
13	2B		Học phần tự chọn 2		TC			3	45	45				135	
			Cộng (HK 2A+2B)					17							
Năm 4															
01	1A	TOU1125E	Quản trị hội nghị và sự kiện	Conference and Event Management	BB		E	3	45	45				135	QTDL KS
		Chuyên ngành	<i>Quản trị du lịch quốc tế</i>	<i>International Tourism Management</i>											

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
02	1A	TOU1136E	Địa lý du lịch thế giới	World Tourism Geography	TC		E	3	45	45				135	QTDL KS
03	1A	TOU1103	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	Strategic Management in Tourism Organization	TC			3	45	45				135	QTDL KS
		Chuyên ngành	<i>Quản trị điểm đến</i>	<i>Destination Management</i>											
02	1A	TOU1139E	Quản trị du lịch bền vững	Sustainable Tourism Management	TC		E	3	45	45				135	QTDL KS
03	1A	TOU1140	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm du lịch	Tourism Product Research and Development	TC			3	45	45				135	QTDL KS
		Chuyên ngành	<i>Quản trị du lịch quốc tế</i>	<i>International Tourism Management</i>											
04	1B	TOU1111E	Du lịch Mice	MICE Tourism	TC		E	3	45	45				135	QTDL KS
05	1B	TOU1137E	Xu hướng du lịch	Tourism Trends	TC		E	3	45	45				135	QTDL KS
06	1B	TOU1138	Quản trị dịch vụ du lịch cao cấp	Luxury Tourism Management	TC			3	45	45				135	QTDL KS

TT	HK	Mã MH	Tên học phần		Loại HP	Mã HP học trước	Ngôn ngữ	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bổ số tiết				Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn (giờ)	Đơn vị quản lý học phần
			Tiếng Việt	Tiếng Anh						LT	TH	ĐA	TT		
		Chuyên ngành	<i>Quản trị điểm đến</i>	<i>Destination Management</i>											
04	1B	TOU1141E	Du lịch thông minh	Smart Tourism	TC		E	3	45	45				135	QTDL KS
05	1B	TOU1142E	Marketing điểm đến du lịch	Tourism Destination Marketing	TC		E	3	45	45				135	QTDL KS
06	1B	TOU1143	Khởi nghiệp kinh doanh lữ hành	Travel Business Starup	TC			3	45	45				135	QTDL KS
			Cộng (HK 1A+1B)					18							
07	2A	TOU1323	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB			3					X		QTDL KS
			Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:												
08	2A	TOU1418	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC			6				X			QTDL KS
08	2A	TOU1419	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC			6				X			QTDL KS
			Cộng (HK 2A)					9							

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH - LỮ HÀNH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - KHÓA 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH - LỮ HÀNH				Giáo dục đại cương		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức chuyên ngành		Kiến thức bổ trợ		Thực tập thực tế		Kiến thức không tích lũy	
Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4									
HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A	HK 1A	HK 2A
			Giáo dục thể chất 2 (1tc)				(E) Chuyên đề lữ hành 3 TOU2316E (2tc)			(E) Quản trị hội nghị và sự kiện TOU1125E (3tc)					
	Tuyển điểm du lịch TOU1120 (3tc)	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch TOU1205 (3tc)	Thiết kế và tính giá tour TOU1126 (3tc)	Nghệ vụ hướng dẫn 1 TOU1129 (2tc)	(E) Điều hành tour TOU1127E (3tc)					(E) Địa lý du lịch thế giới TOU1136E (3tc)			Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch TOU1103 (3tc)		
Tổng quan du lịch TOU1101 (3tc)	Project design 1 SKI1107 (3tc)	Quản trị học MGT1101 (3tc)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin POL1112 (2tc)	(E) Marketing căn bản MKT1101E (3tc)	Tư tưởng Hồ Chí Minh POL1114 (2tc)					Quản trị du lịch quốc tế					
Tiếng Anh 1 ENG3201 (3tc)	Tiếng Anh 3 ENG3203 (3tc)	Tiếng Anh 5 ENG3205 (3tc)	Project design 2 SKI1108 (3tc)	Triết học Mác - Lênin POL1111 (3tc)	Chủ nghĩa xã hội khoa học POL1113 (2tc)					Nghiên cứu và phát triển sản phẩm du lịch TOU1140 (3tc)			Chuyên đề /Khóa luận tốt nghiệp TOU1418/9 (6tc)		
										(E) Quản trị du lịch bền vững TOU1139E (3tc)			Thực tập tốt nghiệp TOU1323 (3tc)		
										Quản trị điểm đến					
HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B	HK 1B	HK 2B
Tiếng Anh 2 ENG3202 (3tc)	Tiếng Anh 4 ENG3204 (3tc)	Tiếng Anh 6 ENG3206 (3tc)	(E) Tiếng Anh dịch vụ TOU1135E (3tc)	(E) Nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ lữ hành TOU1131E (3tc)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam POL1115 (2tc)					(E) Du lịch MICE TOU1111E (3tc)					
Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng ITE1292 (3tc)	Pháp luật đại cương LAW1101 (3tc)	Kinh tế vi mô ECO1101 (3tc)	(E) Chuyên đề lữ hành 2 TOU2315E (1tc)	(E) Nghiệp vụ hướng dẫn 2 TOU1130E (3tc)	(E) Quản trị nhân sự trong du lịch HMM1103E (3tc)					(E) Xu hướng du lịch TOU1137E (3tc)			Quản trị dịch vụ du lịch cao cấp TOU1138 (3tc)		
Văn hóa du lịch TOU1134 (3tc)	Chuyên đề lữ hành 1 TOU2321 (1tc)	(E) Quản trị lữ hành MGT1121E (3tc)	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch và khách sạn TOU1146 (3tc)	Môn tự chọn 1 (3tc)	Môn tự chọn 2 (3tc)					Quản trị du lịch quốc tế					
		Giáo dục thể chất 1 (1tc)	Giáo dục thể chất 3 (1tc)							Khởi nghiệp kinh doanh lữ hành TOU1143 (3tc)					
			Giáo dục quốc phòng MIL1203							(E) Du lịch thông minh TOU1141E (3tc)					
										(E) Marketing điểm đến du lịch TOU1142E (3tc)			Quản trị điểm đến		
Ký hiệu sử dụng															
Tên môn học		Thông tin về môn học													
Mã môn (số tín chỉ)															
(E)		Môn học giảng bằng tiếng Anh													
Danh sách môn tự chọn															
• Công dân số		• Giáo dục sức khỏe tinh thần													
• Công dân toàn cầu		• Luật công bằng và tín thác													
• Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản		• Luật thương mại													
• Đất nước học Nhật Bản		• Luật quốc tế													
• Đất nước học Trung Quốc		• Nghệ thuật học cơ bản													
• Địa lý kinh tế thế giới		• Nghệ thuật lãnh đạo													
• Giao tiếp liên văn hóa		• Nghiệp vụ ngoại giao													
• Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp		• Quản trị chiến lược toàn cầu													
• Nhập môn chuyên đổi số		• Tâm lý giao tiếp													
• Những vấn đề toàn cầu		• Thuyết trình sáng tạo													
• Pháp luật về doanh nghiệp		• Tư duy thẩm mỹ													
• Phân tích dữ liệu ứng dụng		• Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách tiết													
• Phát triển bền vững		• Văn hóa truyền thống Hàn Quốc													
• Quản lý tài chính cá nhân		• Văn minh nhân loại													
		• Văn hóa các nước Đông Nam Á													
* Học phần giáo dục thể chất chọn 1 trong 5 môn: Aerobic, Boxing, Vovinam, Dancesport, Thể hình thẩm mỹ															

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
1.1.1	TOU1134	Văn hóa du lịch	3	Học phần cung cấp cho người học một cách hệ thống và sâu rộng về văn hóa du lịch ở Việt Nam, những kiến thức cơ bản về văn hóa, các loại hình văn hóa, các khía cạnh khác nhau của văn hóa du lịch, các lĩnh vực khác nhau của du lịch văn hóa, các loại tài nguyên văn hóa được con người khai thác, sử dụng để tạo ra sản phẩm du lịch phục vụ nhu cầu của du khách. Học phần còn trang bị cho người học những đặc điểm của văn hóa quản lý và văn hóa kinh doanh trong du lịch, cũng như những vấn đề liên quan đến bảo vệ sự đa dạng văn hóa trong phát triển du lịch bền vững, vấn đề phát triển du lịch trong bối cảnh hội nhập quốc tế...
1.1.2	TOU1146	Phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch và khách sạn	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức nền tảng và kỹ năng cần thiết để thực hiện một nghiên cứu khoa học trong bối cảnh ngành công nghiệp du lịch và khách sạn đang phát triển mạnh mẽ và đổi mới không ngừng. Nội dung học phần tập trung vào việc trang bị cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, kỹ thuật thu thập và phân tích dữ liệu, thiết kế bảng hỏi, phỏng vấn chuyên sâu, và cách xây dựng một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh. Thông qua các bài tập thực hành và tiểu luận cuối kỳ, sinh viên có cơ hội vận dụng lý thuyết vào thực tiễn nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị khách sạn, quản lý điểm đến, hành vi du khách, tiếp thị du lịch, phát triển bền vững và công nghệ du lịch.
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Học phần này cung cấp kiến thức nền tảng về Kinh tế chính trị Mác-Lênin, nhằm nâng cao năng lực tư duy và nhận thức khoa học về thế giới khách quan và các học thuyết kinh tế. Sinh viên sẽ hiểu và áp dụng kiến thức này trong việc phân tích, xử lý, và đánh giá vấn đề khoa học lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo của họ. Chương trình bao gồm 6 chương, trong đó chương 1 tập trung vào đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. Các chương tiếp theo đề cập đến các vấn đề cốt lõi như hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, và cách mạng công nghiệp cũng như hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng vào quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 05 bài, cụ thể: Bài 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Bài 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Bài 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Bài 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Bài 5. Kết luận.
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	Học phần nghiên cứu hiện tượng Nhà nước và Pháp luật theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lenin. Học phần giải quyết những vấn đề chung nhất về Nhà nước và Pháp luật: nguồn gốc, bản chất, các kiểu và chức năng của Nhà nước và Pháp luật. Ngoài ra học phần còn nghiên cứu các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước
1.4.1	ITE1292	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về tin học văn phòng: soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, thiết kế bài thuyết trình chuyên nghiệp và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) phổ biến hỗ trợ học tập, nghiên cứu và làm việc hiệu quả. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái niệm cơ bản về Tin học và AI; Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word; Sử dụng phần mềm bảng tính Excel; Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình chiếu Powerpoint; Ứng dụng AI trong xử lý văn bản và bảng tính; Ứng dụng AI trong thiết kế thuyết trình; Tìm kiếm thông tin học thuật với AI; Sử dụng AI hỗ trợ viết báo cáo, luận văn.
1.5.1	ENG3201	Tiếng Anh 1	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập,

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.2	ENG3202	Tiếng Anh 2	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.3	ENG3203	Tiếng Anh 3	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc tương đương cấp độ A2-B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy biện luận và năng lực học tập suốt đời. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
1.5.4	ENG3204	Tiếng Anh 4	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.5	ENG3205	Tiếng Anh 5	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
1.5.6	ENG3206	Tiếng Anh 6	3	Học phần này giúp sinh viên phát triển từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kiến thức về văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh và giúp sinh viên sử dụng các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp hằng ngày và trong công việc gần tương đương cấp độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu. Phát triển các chiến lược làm bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (VSTEP). Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, lập luận khoa học. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh phục vụ cho việc học, nghiên cứu tài liệu và trong trường công sở

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trong tương lai, giúp sinh viên thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này.
2. Kiến thức cơ sở ngành				
2.1	ECO1101	Kinh tế vi mô	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát và căn bản nhất về các khái niệm, nguyên lý trong kinh tế học; các hiện tượng kinh tế thực tế thông qua các lý thuyết kinh tế tác động đến các cá thể kinh tế đơn lẻ trong các loại thị trường chuyên biệt và cụ thể.
2.2	MKT1101E	Marketing căn bản	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng. Học phần còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược chiêu thị (Promotion). Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.
2.3	MGT1101	Quản trị học	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát – cung cấp một cái nhìn tổng quát về các hoạt động quản trị, giúp sinh viên có nền tảng cho việc ra quyết định. Đây là môn học cung cấp kiến thức ngành làm nền tảng để sinh viên có thể học các môn học chuyên ngành, đồng thời, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn cần thiết để có thể tham gia thị trường lao động khối ngành kinh tế - quản trị nói chung và các ngành khác nói riêng.
2.4	TOU1101	Tổng quan du lịch	3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về ngành du lịch như khái niệm về du lịch, du khách, loại hình du lịch, sản phẩm du lịch, động cơ và nhu cầu du lịch, các điều kiện phát triển du lịch, mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường và chính trị;; khái niệm về kinh doanh du lịch (kinh doanh lữ hành, kinh doanh lưu trú, ăn uống, kinh doanh vận chuyển du lịch...); đào tạo nhân lực du lịch; cách thức tổ chức và quản lý ngành du lịch; phát triển du lịch bền vững và vận dụng tốt những kiến thức đó vào hoạt động du lịch sau khi sinh viên tốt nghiệp.
2.5	TOU1135E	Tiếng Anh dịch vụ	3	Học phần cung cấp các kỹ năng giao tiếp cơ bản cần thiết để người học có thể sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả và tự tin trong nhiều tình huống công việc khác nhau trong ngành du lịch. Đặc biệt cung cấp cho sinh viên những từ vựng cơ bản về du lịch và những cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển những kỹ năng nghe nói đọc viết trong môi trường làm việc thực tế bao gồm trả lời điện thoại trong khách sạn, giải quyết các thắc mắc và khiếu nại của khách, sử dụng các hệ thống, biểu mẫu, viết email....
2.6	HMM1103E	Quản trị nhân sự trong du lịch	3	Học phần cung cấp một cái nhìn tổng quan về quản trị nhân sự trên một tổ chức. Học phần bao gồm: Giới thiệu về HRM, lập kế hoạch nguồn nhân lực, tuyển dụng, tuyển chọn và đào tạo và phát triển, Động lực, đánh giá hiệu suất, an toàn và lành mạnh của nhân viên trong ngành du lịch và khách sạn. Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức.
3. Kiến thức chuyên ngành				
3.1	TOU1205	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	3	Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về tâm lý học, tâm lý xã hội, ...giúp người học nhận thức được vai trò của việc nghiên cứu tâm lý ứng dụng vào giao tiếp trong du lịch. Học phần cung cấp các cứ liệu khoa học để nhận biết, đánh giá và điều chỉnh hành vi của các đối tượng tham gia giao tiếp nhằm đạt mục đích nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh du lịch. Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, ứng xử, ...nhằm rèn luyện kỹ năng giao tiếp – một trong những kỹ năng mềm quan trọng quyết định chất lượng nhân lực và hiệu quả công việc. Chất lượng dịch vụ du lịch phần lớn phụ thuộc vào thuộc tính tâm lý và

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				trạng thái tâm lý xã hội của khách du lịch và người phục vụ du lịch khi họ giao tiếp với nhau. Do đó, Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch là một môn học cần thiết đối với các chuyên ngành du lịch, giúp người học có kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giao tiếp, đồng nghĩa với việc nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.
3.2	TOU1120	Tuyển điểm du lịch	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các điểm, khu, tuyến và tài nguyên du lịch Việt Nam: tài nguyên tự du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn. Hướng dẫn cách thức vận dụng các kiến thức được học trong môn học để ứng dụng các nghiệp vụ hướng dẫn, thiết kế chương trình tour, ... và thực tế công việc trong tương lai. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, thuyết minh du lịch, nói chuyện trước đám đông, ... làm nền tảng cho các môn chuyên ngành, thực hành, thực tế.
3.3	TOU1126	Thiết kế và tính giá tour	3	Học phần này trình bày một số vấn đề cơ bản về chương trình du lịch, các loại chương trình tour du lịch trọn gói và từng phần, các dịch vụ cấu thành trong một chương trình du lịch. Trang bị cho sinh viên kiến thức về cung đường, khoảng cách giữa các điểm đến trong tour. Hướng dẫn cách thức thiết kế một chương trình du lịch trọn gói theo nhu cầu, thị hiếu của khách du lịch, xu hướng của thị trường và phù hợp chiến lược, triết lý kinh doanh của công ty. Từ đó, sinh viên được học cách lên kế hoạch tour, lựa chọn dịch vụ và tính giá thành, giá bán cho các chương trình du lịch trọn gói.
3.4	TOU1127E	Điều hành tour	3	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều hành dịch vụ du lịch, mạng lưới đối tác của các doanh nghiệp lữ hành, cách thức làm việc với các đối tác cung ứng dịch vụ: lưu trú, ăn uống, vận chuyển, tham quan vui chơi giải trí, bảo hiểm, các dịch vụ khác; Quy trình điều hành các tour du lịch từ lên kế hoạch, chuẩn bị, thực hiện, kết thúc. Môn học còn cung cấp các kiến thức quan trọng về điều hành tour nội địa/inbound/outbound, sự khác biệt và các thủ tục kèm theo. Sinh viên sẽ được hướng dẫn các kỹ năng thương lượng giá cả, tiếp cận các

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				hợp đồng dịch vụ đối tác, các booking, các biểu mẫu bàn giao,....
3.5	TOU1129	Nghiệp vụ hướng dẫn 1	2	Học phần giúp sinh viên biết được những kiến thức tổng quan về hoạt động hướng dẫn du lịch; những nhiệm vụ và yêu cầu cần có để trở thành một hướng dẫn viên du lịch. Quy trình thực hiện chương trình du lịch từ nhận bàn giao tour, chuẩn bị, thực hiện tour, quyết toán tour,... Trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động tổ chức thực hiện tour du lịch: liên hệ và đón trả khách, liên hệ các dịch vụ trước khi đưa khách đến, cách thức làm việc với các đối tác trên tour, chăm sóc khách,...; Học phần còn giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng đặc thù của một hướng dẫn viên du lịch: chào đoàn, thuyết minh trên xe và tại điểm, hoạt náo, xử lý tình huống,...
3.6	TOU1130E	Nghiệp vụ hướng dẫn 2	3	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về hoạt động hướng dẫn du lịch quốc tế, các yêu cầu, quy định, thủ tục cho các tour inbound, outbound, điều kiện cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch. Luyện tập và thực hành nghiệp vụ thuyết minh du lịch trên xe và tại điểm bằng tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên phân loại và nắm bắt được quy trình thực hiện các tour inbound, outbound, đặc điểm của từng thị trường khách theo quốc tịch. Giúp sinh viên tiếp cận được các nghiệp vụ xuất nhập cảnh, kỹ năng xử lý tình huống khi ở nước ngoài, các quy tắc giao tiếp quốc tế,...
3.7	MGT1121E	Quản trị lữ hành	3	Học phần cung cấp những kiến thức quản trị mang tính hệ thống từ tổng quát về lịch sử ra đời của ngành lữ hành; Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp lữ hành; Quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với các nhà cung cấp sản phẩm; Tổ chức xây dựng và điều hành chương trình du lịch; Tổ chức xúc tiến hỗn hợp bán và thực hiện các chương trình du lịch; Quản lý chất lượng chương trình du lịch; Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh du lịch; và Môi trường kinh doanh và chiến lược cạnh tranh trong doanh nghiệp lữ hành;... Ngoài ra còn giới thiệu cho sinh viên các phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực du lịch để đặt phòng, đặt vé máy bay hoặc ô tô... mua các chương trình du lịch của các hãng lữ hành hoặc các đại lý du lịch

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
3.8	TOU1131E	Nghiep vụ kinh doanh dịch vụ lữ hành	3	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về sản phẩm du lịch – lữ hành, phân loại và đặc điểm của từng tour du lịch, kiến thức về kinh doanh dịch vụ du lịch. Trang bị cho sinh viên quy trình và kỹ năng tiếp cận khách hàng, nắm bắt tâm lý, nhu cầu, động cơ của khách, kỹ năng giới thiệu các sản phẩm Lữ hành, tư vấn hỗ trợ thông tin, kỹ năng chốt hợp đồng, kỹ năng thương thuyết. Học phần còn giúp sinh viên tiếp cận các nghiệp vụ liên quan đến hợp đồng du lịch, các loại thuế, chiết khấu,...sinh viên cũng được thực hành các kỹ năng tin học, công nghệ trong hoạt động kinh doanh lữ hành.
3.9	TOU1125E	Quản trị hội nghị và sự kiện	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức liên quan đến tổ chức một sự kiện hoặc hội nghị trong khách sạn, các quy trình chung của việc quản lý và tổ chức các sự kiện và hội nghị; phát triển những kỹ năng cần thiết để có khả năng thiết kế một sự kiện – hội nghị; biết cách xác định chủ đề và làm nội dung cho sự kiện, biết cách lên kế hoạch cho một sự kiện – hội nghị, nắm được các bước chuẩn bị liên quan đến hậu cần cũng như xử lý các tình huống phát sinh trong một sự kiện – hội nghị.
3.10	TOU2321	Chuyên đề lữ hành 1	1	Học phần hướng đến tạo những tiếp xúc ban đầu cho sinh viên về các hoạt động liên quan đến Du lịch – Lữ hành, từ đó sinh viên có được bức tranh tổng quát và những kiến thức cơ bản về ngành nghề dịch vụ Du lịch – Lữ hành. Sinh viên được đại diện của công ty du lịch - hướng dẫn viên chia sẻ các công việc chính cũng như những kinh nghiệm thực tế về ngành kinh doanh lữ hành. Trong suốt quá trình tham quan các điểm du lịch, sinh viên còn được truyền đạt những kiến thức cần thiết liên quan đến các tuyến điểm du lịch và hoạt động của một doanh nghiệp lữ hành.
3.11	TOU2315E	Chuyên đề lữ hành 2	1	Kết nối giữa các doanh nghiệp kinh doanh Du lịch – Lữ hành với sinh viên nhằm tạo điều kiện để sinh viên có cơ hội trải nghiệm nhiều loại mô hình ngành du lịch. Bên cạnh đó, sau khóa kiến tập này, sinh viên có thể trải nghiệm được thực tiễn nội dung học tại trường bao gồm những kiến thức thực tế về các loại chương trình tour du lịch, các dịch vụ trong chương trình du lịch, cách thức

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thiết kế, qui trình điều hành tour. Sinh viên phải tự thu thập thông tin dịch vụ suốt chuyến đi để có thể thiết kế ra những tour mới theo yêu cầu mà giảng viên đưa ra và dùng làm tài liệu làm việc sau này.
3.12	TOU2316E	Chuyên đề lữ hành 3	2	Kết nối giữa các doanh nghiệp kinh doanh Du lịch – Lữ hành với sinh viên nhằm tạo điều kiện để sinh viên có cơ hội trải nghiệm nhiều loại mô hình ngành du lịch. Bên cạnh đó, sau khóa kiến tập này, sinh viên có thể trải nghiệm được thực tiễn nội dung học tại trường bao gồm những kiến thức kiến thức tổng quan về hoạt động hướng dẫn du lịch; những nhiệm vụ và yêu cầu cần có để trở thành một hướng dẫn viên du lịch. Sinh viên còn được trang bị những kỹ năng nghiệp vụ trong hoạt động tổ chức thực hiện tour du lịch, qua đó giúp học viên có thể ứng dụng vào thực tế trong suốt tour du lịch. Bên cạnh cơ hội tham quan học tập suốt tour du lịch, sinh viên còn được tham gia vào các buổi học trải nghiệm thực tế do chính đại diện tại của các công ty du lịch hoặc điểm đến du lịch hướng dẫn. Trong suốt chương trình kiến tập, sinh viên có cơ hội được chia sẻ những kinh nghiệm từ công việc thực tế của hướng dẫn viên.
3.13.1	TOU1136E	Địa lý du lịch thế giới	3	Học phần nghiên cứu và khám phá về các điều kiện tự nhiên, địa danh, văn hóa, và các yếu tố khác ảnh hưởng đến ngành Du lịch trên toàn cầu. Môn học này tập trung vào việc tìm hiểu sâu về các địa danh du lịch nổi tiếng thế giới, quá trình di chuyển của du khách, tầm ảnh hưởng của ngành du lịch đối với môi trường, văn hóa và cộng đồng địa phương. Qua đó, định hướng cho người học các chiến lược để bảo vệ và tăng cường các nguồn lực du lịch, học hỏi kinh nghiệm quản lý và phát triển du lịch một cách bền vững.
3.14.1	TOU1111E	Du lịch MICE	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực tổ chức du lịch MICE: quản lý và thực hiện các dịch vụ hội họp, hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm, du lịch khuyến thưởng của ngành du lịch - dịch vụ. Rèn luyện tư duy quản lý và điều hành du lịch, chịu trách nhiệm phân công công việc cho các hướng dẫn viên du lịch; nhận thông tin để

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				phối hợp với các bộ phận, cơ quan chức năng giải quyết những phát sinh, thiết kế các chương trình du lịch,... trong điều kiện môi trường làm việc năng động; quan hệ công chúng rộng rãi; có cường độ lao động, áp lực công việc và tính chuyên nghiệp cao.
3.15.1	TOU1137E	Xu hướng du lịch	3	Học phần giúp sinh viên nâng cao hiểu biết về tính năng động và biến động của ngành Du lịch; trang bị cho sinh viên các xu hướng chung và nhu cầu của khách du lịch trong và ngoài nước hiện nay; so sánh giữa các sản phẩm dịch vụ du lịch truyền thống và hiện đại; các bài học kinh nghiệm trên thế giới về việc dẫn đầu và nắm bắt xu hướng mang lại thành công cho ngành Du lịch; nhấn mạnh vai trò của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, kinh doanh và quảng bá du lịch. Học phần còn rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thu thập thông tin, dự báo xu hướng, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, độc đáo,...và ứng dụng vào việc xây dựng sản phẩm dịch vụ, truyền thông thương hiệu cho các doanh nghiệp du lịch lữ hành.
3.16.1	TOU1103	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	3	Học phần cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về chiến lược sản xuất kinh doanh, phương pháp và các công cụ xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Kết thúc môn học, sinh viên có kỹ năng phân tích đánh giá môi trường sản xuất kinh doanh, dự báo diễn biến môi trường, kỹ năng phân tích và lựa chọn chiến lược kinh doanh cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.
3.17.1	TOU1138	Quản trị dịch vụ du lịch cao cấp	3	Học phần cung cấp cho người học một cái nhìn sâu sắc về việc quản lý các trải nghiệm dịch vụ cao cấp trong ngành dịch vụ du lịch như lưu trú, lữ hành, ẩm thực, vận chuyển, giải trí,... và các dịch vụ lõi sống. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết để cung cấp dịch vụ xuất sắc phù hợp với nhu cầu và mong đợi của khách hàng sang trọng, đặc biệt là tính độc quyền, cá nhân hóa và sự chú ý đến chi tiết. Đồng thời, học phần phân tích sâu vào tâm lý và hành vi của người tiêu dùng cao cấp, phân

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				tích động cơ, sở thích và quá trình ra quyết định mua sắm của khách hàng giàu có, khám phá cách sáng tạo để nâng cao trải nghiệm của khách hàng, phát triển các dịch vụ độc đáo và đi đầu trong các xu hướng thị trường.
3.13.2	TOU1139E	Quản trị du lịch bền vững	3	Học phần cung cấp cho người học cái nhìn sâu rộng về việc quản lý ngành du lịch một cách bền vững, tức là đảm bảo sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường mà không làm ảnh hưởng đến khả năng của thế hệ tương lai. Học phần này nhấn mạnh vào ý nghĩa và các nguyên tắc cơ bản của du lịch bền vững, bao gồm sự cân bằng giữa kinh tế, xã hội và môi trường, sự tôn trọng văn hóa địa phương và sự tham gia của cộng đồng địa phương. Qua đó, nâng cao nhận thức của người học về du lịch bền vững, cả trong cộng đồng địa phương và ở cấp quốc gia và quốc tế.
3.14.2	TOU1140	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm du lịch	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết để nghiên cứu, phát triển và quản lý các sản phẩm du lịch mới và sáng tạo, tập trung vào quá trình phân tích thị trường, đánh giá nhu cầu khách hàng, thiết kế sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu thị trường và xu hướng du lịch hiện đại. Học phần hướng dẫn cho người học các quy trình và công cụ để thiết kế và phát triển các sản phẩm du lịch mới, bao gồm cả việc lên ý tưởng, lập kế hoạch, và thử nghiệm sản phẩm. Từ đó, ra quyết định lựa chọn sản phẩm du lịch và xây dựng các chiến lược phát triển và quảng bá sản phẩm phù hợp.
3.15.2	TOU1141E	Du lịch thông minh	3	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng liên quan đến ứng dụng công nghệ và các giải pháp thông minh trong ngành Du lịch, tập trung vào việc tìm hiểu và áp dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo,... và các bài học kinh nghiệm trong việc tăng cường công nghệ để cải thiện trải nghiệm và quản lý ngành du lịch hiện đại. Học phần nhấn mạnh tầm quan trọng của quản lý dữ liệu và bảo mật trong du lịch thông minh, bao gồm cả việc bảo vệ thông tin cá nhân của khách hàng và quản lý dữ liệu cho mục đích phân tích và cải thiện trải nghiệm. Đồng thời cũng đề ra những thách thức và triển vọng của du lịch thông minh, bao gồm cả

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				vấn đề liên quan đến quyền riêng tư, đạo đức, và tác động của công nghệ vào trải nghiệm du lịch truyền thống.
3.16.2	TOU1142E	Marketing điểm đến du lịch	3	Học phần cung cấp cho người học cái nhìn sâu sắc về nguyên lý và chiến lược trong việc tiếp thị các điểm đến du lịch một cách hiệu quả, tập trung vào các thách thức và cơ hội độc đáo trong việc quảng bá các điểm đến để thu hút khách du lịch và thúc đẩy sự phát triển du lịch. Học phần nhấn mạnh vào vai trò của việc xây dựng thương hiệu điểm đến, tạo dựng hình ảnh và vị trí trên thị trường để thu hút du khách. Học phần cũng hướng dẫn người học cách khai thác các nền tảng marketing kỹ thuật số trong việc quảng bá các điểm đến du lịch, tương tác với du khách và tăng cường sự hiện diện của điểm đến. Qua đó, xây dựng thương hiệu và quản lý hình ảnh điểm đến, bao gồm cách tạo ra một danh tiếng thương hiệu độc đáo cho một điểm đến và quản lý uy tín của nó một cách hiệu quả và bền vững.
3.17.2	TOU1143	Khởi nghiệp kinh doanh lễ hành	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết để bắt đầu và quản lý một doanh nghiệp du lịch sáng tạo và hiệu quả, tập trung vào việc nghiên cứu thị trường, phân tích khả năng cạnh tranh, xác định mô hình kinh doanh phù hợp, phát triển ý tưởng kinh doanh mới, các chiến lược khởi nghiệp, và các kỹ năng quản lý cần thiết để thành công trong ngành du lịch một cách sáng tạo và hiệu quả.
4. Kiến thức bổ trợ				
4.1	SKI1107	Project design 1	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế dự án theo quy trình logic, khoa học. Trong quy trình này người học sẽ chủ động khám phá và xác định các vấn đề cần giải quyết. Bằng cách phân tích các vấn đề thực tế trong xã hội dựa trên cơ sở dữ liệu, người học sẽ nắm bắt được các kỹ thuật cần thiết để đưa ra phương án giải quyết mới có tính đổi mới, sáng tạo. Người học đề xuất ý tưởng, kiểm chứng mức độ khả thi thông qua các hoạt động nhóm. Trong quá trình thực hiện dự án người học rèn luyện khả năng tự tìm tòi, năng lực suy nghĩ, phán đoán, khả năng diễn đạt, năng lực giao tiếp và khả năng lãnh đạo. Các dự án sáng tạo, đổi mới

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				có tính ứng dụng cao trong thực tiễn, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc.
4.2	SKI1108	Project design 2	3	Học phần cung cấp quy trình thương mại hóa ý tưởng kinh doanh một cách logic, khoa học nhằm trang bị cho sinh viên tư duy trong đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Học phần tập trung phát triển các ý tưởng kinh doanh, áp dụng mô hình NABC (Needs – Approach – Benefits/ Costs – Competition) trong việc mô tả và diễn đạt tuyên ngôn giá trị của các ý tưởng kinh doanh. Dự án sáng tạo nhóm sẽ được liên tục gia tăng giá trị thông qua quá trình cải tiến giá trị liên tục (Value Creation Forum: VCF) và được thể hiện qua Poster nhằm cung cấp cho khách hàng/ các bên liên quan bức tranh tổng quan nhất về dự án. Mỗi nhóm đóng vai trò như một mô hình của một tổ chức hoặc doanh nghiệp để hoàn thiện dự án thông qua các hoạt động: khảo sát, đánh giá, phân tích thị trường, công nghệ, khách hàng, kiểm nghiệm ý tưởng trước khi đưa ra thị trường nhằm góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (Sustainable Development Goals: SDGs).
4.3	DMK1101	Công dân số	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng, và tư duy khi gia nhập vào thế giới số với sự kết nối toàn cầu qua mạng Internet. Người học sẽ được tìm hiểu về các nội dung: cách trở thành thành viên của thế giới số và tận dụng cơ hội để phát triển bản thân; cách hành xử đúng mực, văn minh trên cộng đồng mạng, và cách bảo vệ bản thân trước những rủi ro và tác hại tiêu cực của môi trường số.
4.4	ECO1113	Công dân toàn cầu	3	Học phần trình bày cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến công dân toàn cầu. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức từ học phần để xây dựng lộ trình trở thành công dân toàn cầu và thực hiện các dự án vì cộng đồng. Học phần có các nội dung chính: Toàn cầu hóa; Xã hội; Chính trị; Môi trường; Kỷ nguyên số; Xây dựng lộ trình để trở thành công dân toàn cầu.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.5	JPN1163	Đặc nhân tâm phong cách Nhật Bản	3	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách cư xử, ứng xử và giao tiếp với mọi người để đạt được thành công trong cuộc sống của người Nhật. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học hiểu rõ bản thân, thành thật với chính mình, hiểu biết và quan tâm đến những người xung quanh để nhìn ra và khơi gợi những tiềm năng ẩn khuất, giúp phát triển bản thân lên một tầm cao mới.
4.6	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	3	Học phần cung cấp những thông tin chi tiết về nhiều khía cạnh của đất nước Nhật Bản, như địa lí, lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao,... Ngoài ra, nội dung học phần còn đề cập đến nhiều vấn đề mang tính chất vĩ mô đất nước Nhật Bản: giao thông, thương mại, quốc phòng,... Thông qua học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về đất nước, con người Nhật Bản với những nét văn hóa, truyền thống độc đáo, góp phần tăng thêm sự hiểu biết quốc tế tốt hơn thông qua các mô tả chân thực, đầy quyền rũ của Nhật Bản.
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về đất nước và con người Trung Quốc, giúp sinh viên khái quát về những nét đặc trưng ở các lĩnh vực của Trung Quốc. Nội dung học phần phong phú, các chủ đề đa dạng, bao gồm các lĩnh vực địa lý, lịch sử, dân số, chính trị, kinh tế, giáo dục, tư tưởng, tôn giáo, nghệ thuật Trung Quốc...
4.8	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	3	Học phần giới thiệu cho người học hiểu về hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội thế giới; mối quan hệ tương tác chủ yếu trong và giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới trong thời kỳ hiện đại như những đặc điểm phát triển kinh tế nổi bật của các khu vực trên thế giới, những biến động chính trị, xã hội tác động đến kinh tế của từng khu vực trong bối cảnh toàn cầu hóa. Học phần cũng sử dụng biện pháp minh họa bằng bản đồ kinh tế - chính trị - xã hội và những thay đổi đáng kể gần đây đối với từng khu vực trong nền kinh tế thế giới.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.9	PSY1137	Giáo dục sức khỏe tinh thần	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ cơ bản nhất liên quan đến sức khỏe tinh thần như: Tổng quan sức khỏe tinh thần; Một số rối loạn tinh thần thường gặp; Định kiến và kỳ thị về sức khỏe tinh thần; Bối cảnh xã hội của rối loạn tinh thần; Sức khỏe tinh thần ở cộng đồng; Sức khỏe tinh thần ở sinh viên; Đa dạng tính dục; Chăm sóc sức khỏe tinh thần. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể chủ động trong việc nhận diện, phòng ngừa, chăm sóc sức khỏe tâm thần của bản thân và người khác.
4.10	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	3	Học phần giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về sự việc, hiện tượng có liên quan đến văn hóa của một địa phương, vùng, toàn cầu, giúp sinh viên tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng giá trị đạo đức riêng của mỗi dân tộc được tham chiếu từ chính những chuẩn mực văn hóa của riêng họ nhằm tăng năng lực giao tiếp liên văn hóa với người khác. Thông qua học phần, vấn đề toàn cầu hóa và giao thương quốc tế, những nguyên nhân gây đổ vỡ trong giao tiếp khác vùng miền, khác quốc gia nhìn dưới góc độ văn hóa sẽ được đưa ra bàn luận dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Người học có thể hiểu được những khác biệt văn hóa, những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới.
4.11	LAW1195	Luật công bằng và tín thác	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc công bằng (equity) và luật tín thác (trust), cung cấp kiến thức đầy đủ về các khái niệm, nguyên tắc và ứng dụng của công bằng và tín thác trong hệ thống pháp luật. Học phần tập trung vào các nội dung sau: (i) Nghiên cứu về nguồn gốc và sự phát triển của công bằng và tín thác; (ii) Nghiên cứu về các loại hình tín thác, cách thức thành lập và quản lý tín thác; (iii) Nghiên cứu về quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong tín thác; (iv) Nghiên cứu về các biện pháp bảo vệ quyền lợi trong công bằng, bao gồm các biện pháp khắc phục công bằng và trách nhiệm ủy thác (fiduciary duties).

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.12	LAW1111	Luật thương mại	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động thương mại và dịch vụ, nắm bắt được những nội dung cơ bản về một số vấn đề pháp luật có liên quan đến thương nhân. Pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: khái niệm về thương nhân và về các hoạt động thương mại; các hoạt động thương mại cụ thể; quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; các chế tài trong hoạt động thương mại.
4.13	LAW1116	Luật quốc tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức sau: Nguồn gốc, khái niệm, đặc trưng, cấu trúc, quy phạm và bản chất của luật quốc tế; Phân biệt luật quốc tế và luật quốc gia; Mối quan hệ biện chứng giữa luật quốc tế với luật quốc gia; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Hệ thống và đặc điểm của nguồn luật quốc tế; Những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ- biên giới quốc gia; Những nội dung cơ bản về luật biển quốc tế, luật ngoại giao- lãnh sự.
4.14	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	3	Học phần nhằm truyền cảm hứng, mong muốn thưởng thức, cảm thụ nghệ thuật cho sinh viên. Phát triển sự hiểu biết cơ bản về 7 loại hình nghệ thuật: Kiến trúc, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Văn học, Sân khấu, Điện ảnh. Những kiến thức này giúp gia tăng trí tuệ cảm xúc, góp phần tạo ra một đời sống cân bằng cho sinh viên trong quá trình hoạt động nghề nghiệp. Qua học phần, sinh viên sẽ có một đời sống tinh thần phong phú, phát triển thêm những kỹ năng mềm giúp ích cho nghề nghiệp sau này.
4.15	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Học phần giới thiệu sự tương quan giữa quản lý và lãnh đạo. Những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức. Các phong cách lãnh đạo: phong cách dân chủ, phong cách độc đoán, phong cách tự do. Nhấn mạnh tính nghệ thuật trong lãnh đạo với những đặc trưng như: tính sáng tạo-độc đáo, tính linh hoạt, tính tổng hợp, tính hiệu quả thực tế, tính khoa học và các nội dung cơ bản của nghệ thuật lãnh đạo như: nghệ thuật điều hành, nghệ thuật giao tiếp, nghệ thuật động viên-kích lệ, nghệ thuật sử dụng quyền lực, nghệ thuật dùng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				người, nghệ thuật tùy cơ ứng biến... Học phần cũng đề cập đến vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo nhóm: trách nhiệm đối với cá nhân, trách nhiệm đối với công việc, trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. Phân biệt quyền hạn và quyền lực, nghệ thuật giao quyền và ủy quyền công việc hiệu quả. Giới thiệu nghệ thuật phát hiện, lựa chọn và sử dụng nhân tài; một nhiệm vụ rất quan trọng đối với người làm công tác quản lý.
4.16	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	3	Học phần trang bị những kiến thức và kỹ năng liên quan đến phong cách, trang phục, hình thể. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học phát triển được những kỹ năng liên quan đến xây dựng hình ảnh cá nhân, lựa chọn trang phục, giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng, nói chuyện qua điện thoại, ngôn ngữ biểu cảm, kiểm soát cảm xúc, kỹ năng đi đứng nhẹ nhàng....nhằm tạo dựng cho từng cá nhân hình ảnh chuyên nghiệp và tạo ấn tượng nơi làm việc, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và tăng sự hài lòng cho đồng nghiệp, đối tác và khách hàng. Từ đó, đáp ứng được yêu cầu cơ bản đối với những nhân sự làm việc trong ngành dịch vụ.
4.17	IRE1130	Nghịệp vụ ngoại giao	3	Học phần cung cấp cho sinh viên một số công tác của nghiệp vụ ngoại giao như công tác lễ tân ngoại giao, công tác lãnh sự, công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, công tác tiếp xúc, đàm phán ngoại giao, công tác nghiên cứu ngoại giao; Người học sẽ được trang bị các kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạt động lễ tân ngoại giao của các quốc gia cũng như của Việt Nam. Học phần gồm 4 nhóm vấn đề chính: (1) Khái quát về lễ tân ngoại giao; (2) Ngôi thứ và cách sắp xếp vị trí trong lễ tân ngoại giao; (3) Nghi thức ngoại giao; (4) Tiệc ngoại giao và cách tổ chức.
4.18	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	3	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về xu hướng chuyển đổi số trên thế giới và Việt Nam, định nghĩa và khái niệm chuyển đổi số cho doanh nghiệp, lộ trình chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng trong chuyển đổi số của doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các giải pháp công nghệ theo lộ trình chuyển đổi số.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4.19	IRE1108	Những vấn đề toàn cầu	3	Học phần cung cấp bức tranh toàn cảnh về các vấn đề toàn cầu hiện nay trên thế giới. Học phần đi sâu giới thiệu về những vấn đề toàn cầu nổi bật hiện nay trên thế giới cũng như đối với Việt Nam như vũ khí huỷ diệt hàng loạt, môi trường, dân số, tội phạm quốc tế, năng lượng, đói nghèo,... Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về các vấn đề toàn cầu từ khái niệm, phân loại, quá trình hình thành và phát triển, thực trạng hiện nay, tình hình và các phương thức hợp tác quốc tế, thuận lợi và khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu. Môn học cũng giới thiệu cơ sở lý luận về vấn đề toàn cầu như khái niệm và phân loại, nền tảng quy định tính toàn cầu của vấn đề, các lý thuyết và quan niệm khác nhau trong từng vấn đề toàn cầu. Qua đó, môn học góp phần trang bị cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.
4.20	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	3	Học phần giới thiệu các kỹ thuật và tư duy phân tích dữ liệu cơ bản qua các ứng dụng cụ thể. Cụ thể học phần sẽ trình bày về các phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng Excel và áp dụng trong các lĩnh vực cụ thể như kinh tế-kinh doanh, tài chính, marketing, bất động sản, ... Qua đó sẽ khai phá được những thông tin hữu ích của dữ liệu, mang đến nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp.
4.21	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	Học phần Pháp luật doanh nghiệp là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và những quy định pháp luật về doanh nghiệp; cung cấp cho sinh viên kiến thức đầy đủ về mô hình doanh nghiệp, thủ tục thành lập doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể và phá sản doanh nghiệp. Theo đó, học phần tập trung vào những nội dung cơ bản sau: • Nghiên cứu về điều kiện thành lập, tổ chức, quản lý và tài chính của các chủ thể kinh doanh. • Nghiên cứu về dấu hiệu phá sản doanh nghiệp; Giải quyết phá sản doanh nghiệp, theo quy định của pháp luật.

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Nghiên cứu về giải thể, các cách thức tổ chức lại doanh nghiệp.
4.22	IRE1151	Phát triển bền vững	3	Học phần Phát triển bền vững ngày càng quan trọng, phản ánh sự nhận thức ngày càng tăng về nhu cầu tiếp cận phát triển toàn diện và bền vững. Học phần này có tính liên ngành cao, trang bị cho sinh viên kiến thức và hiểu biết về các nguyên tắc, thách thức và giải pháp tiềm năng của phát triển bền vững, được tích hợp phù hợp với nhiều chuyên ngành khác nhau. Học phần giới thiệu các khái niệm cốt lõi như sự kết nối của các hệ thống xã hội, kinh tế và môi trường, tầm quan trọng của quản lý tài nguyên cùng nguyên tắc công bằng giữa các thế hệ. Học phần nhấn mạnh các ứng dụng thực tiễn thông qua các nghiên cứu điển hình, dự án và sự tham gia của cộng đồng, cho phép sinh viên áp dụng kiến thức vào các vấn đề thực tế. Sinh viên được khuyến khích phân tích phản biện các vấn đề phức tạp, đánh giá các quan điểm khác nhau và phát triển các giải pháp sáng tạo cho phát triển bền vững. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ có nhận thức sâu sắc về tính cấp thiết của phát triển bền vững, thể hiện trách nhiệm xã hội rõ ràng, nhận diện hiệu quả các vấn đề thực tiễn và chủ động hành động một cách có ý thức.
4.23	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	3	Trong trong bối cảnh cuộc sống thay đổi nhanh chóng như hiện nay, con người ngày càng thường xuyên phải đối mặt với những biến động diễn ra ngoài dự kiến như: nền kinh tế suy thoái, phá sản, thất nghiệp, tử vong đột ngột... làm những mục tiêu tương lai có nguy cơ khó thành hiện thực. Quản lý tài chính trở nên một công việc vô cùng cần thiết, giúp cá nhân có sự chuẩn bị vững chắc trong tương lai và đem lại sự cân bằng ổn định trong cuộc sống. Quản lý tài chính giúp cá nhân xây dựng định hướng trong những lĩnh vực quan trọng: từ lựa chọn nghề nghiệp, lập kế hoạch ngân sách, danh mục đầu tư tài chính cá nhân đến lập kế hoạch cho tuổi già, tuổi nghỉ hưu... Một tình hình tài chính lành mạnh sẽ giúp cá nhân chủ động trong những quyết định, đạt được những mục tiêu đã đề ra, và được bảo vệ an

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				toàn hơn trước những biến cố. Học phần này nghiên cứu những khái niệm, nguyên tắc, công cụ và phương pháp vận dụng kiến thức quản lý tài chính cá nhân trong một số lĩnh vực chính của cuộc sống nhằm xây dựng nền tảng tài chính vững chắc trong tương lai. Nội dung cốt lõi của học phần này bao gồm 3 phần: (1) lên kế hoạch tài chính cá nhân; (2) quản lý tài sản cá nhân, tín dụng, bảo hiểm, đầu tư; và (3) là hoạch định cho tuổi già, tuổi hưu trí và di sản.
4.24	IBU1115	Quản trị chiến lược toàn cầu	3	Học phần giúp sinh viên hiểu được động lực thúc đẩy toàn cầu hóa tập hợp các khía cạnh quản lý chiến lược toàn cầu ở các công ty toàn cầu. Đồng thời cung cấp kiến thức và kỹ năng quản lý chiến lược thực tế cho sinh viên phải đối mặt với việc toàn cầu hóa của doanh nghiệp, đối phó với những vấn đề quản lý toàn cầu.
4.25	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	3	Học phần cung cấp những kiến thức căn bản, nền tảng về tâm lý học; Nhận diện các hiện tượng tâm lý người; hiểu biết về sự đa dạng phong phú trong đời sống tâm lý con người; Nắm vững các quy luật hình thành hiện tượng tâm lý người; Nhận thức các yếu tố khách quan và chủ quan quy định nên tâm lý người; Cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử); Cấu trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử; Bản chất của giao tiếp; Kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.
4.26	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	3	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết và thực hành các kỹ thuật trình bày vấn đề, thể hiện ý tưởng, thuyết phục người nghe, nhằm giúp người học làm chủ quá trình trình bày các ý tưởng quảng cáo, các giải pháp và kế hoạch, chiến lược quảng cáo, thuyết phục khách hàng. Học phần bao gồm các phần từ xác định mục tiêu, sáng tạo ý tưởng, chuẩn bị nội dung, chuẩn bị phương tiện, kỹ thuật trình bày và các công nghệ hỗ trợ. Học phần nhấn mạnh đến sự kết hợp giữa tính sáng tạo, độc đáo trong ý tưởng quảng cáo và tính sáng tạo, hiệu quả trong phương thức trình bày, thuyết phục; nhằm tạo ra những phần trình bày ấn tượng, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				thương mại: chào bán sản phẩm, trình bày, đàm phán thương lượng... trong lĩnh vực quảng cáo.
4.27	DMK1114	Tư duy thẩm mỹ	3	Học phần giúp người học bồi dưỡng năng lực tư duy thẩm mỹ, không chỉ trong phạm vi nghệ thuật, mà còn là ở tất cả các lĩnh vực khác trong đời sống. Người học sẽ được tiếp cận và nắm bắt được khái niệm về giá trị thẩm mỹ từ các hoạt động vui chơi giải trí đến hoạt động lễ hội, văn hoá, thể thao, hay ngay cả hoạt động lao động sản xuất, giáo dục, y tế, quân sự,... Môn học còn trang bị cho người học kiến thức mỹ học trong đa dạng ngành nghề và tạo điều kiện để người học phát triển tư duy thẩm mỹ của bản thân trong tương lai.
4.28	TOU1145	Văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn	3	Học phần được thiết kế để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng và kiến thức về văn hóa bàn tiệc và lễ tân khách sạn. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản đến nâng cao về ứng xử tại bàn tiệc, cách sử dụng các dụng cụ ăn uống một cách lịch sự và chuyên nghiệp, cũng như các kỹ năng giao tiếp và ngoại giao trong môi trường xã hội và kinh doanh. Học phần còn giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các chuẩn mực văn hóa khác nhau liên quan đến ăn uống và giao tiếp trên bàn tiệc, qua đó hỗ trợ sinh viên phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tổ chức sự kiện, quản lý nhà hàng, và các ngành nghề liên quan đến dịch vụ khách hàng. Khóa học này bổ trợ cho các học phần khác trong chương trình đào tạo về quản lý khách sạn và du lịch, cung cấp một nền tảng vững chắc cho những ai xem ngành dịch vụ là nghề nghiệp tương lai.
4.29	SOS1108	Văn hoá các nước Đông Nam Á	3	Học phần giới thiệu một cách hệ thống những thông tin cơ bản về diện tích, dân số, đặc điểm lịch sử, cộng đồng dân cư và văn hóa, tình hình phát triển kinh tế - xã hội; tìm hiểu các phong tục tập quán và danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch nổi tiếng cũng như bản sắc tộc người và hiện trạng khai thác tiềm năng phát triển du lịch của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. So sánh những nét tương đồng và khác biệt giữa văn hóa khu vực và văn hóa bản địa Việt Nam; đánh giá khả năng hợp tác, phát triển của ngành du lịch ASEAN, hướng đến việc hiện thực hóa Cộng

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				đồng văn hóa - xã hội ASEAN.
4.30	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	3	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa truyền thống của Hàn Quốc bao gồm văn hóa ứng xử của người Hàn đối với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội như: khái quát về Hàn Quốc (đất nước, con người), lịch sử văn hóa Hàn Quốc, đời sống văn hóa người Hàn. Kiến thức của học phần cung cấp để sinh viên có thể hiểu được văn hóa truyền thống của người Hàn, có thể phân tích, so sánh đặc điểm văn hóa với các nước phương Đông; tìm hiểu điểm giống và khác giữa văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Việt Nam để sinh viên gìn giữ bản sắc văn hóa Việt và có ứng xử phù hợp trong các hoạt động giao lưu quốc tế giữa hai nước.
4.31	IRE1138	Văn minh nhân loại	3	Học phần Văn minh nhân loại được thiết kế để đạt được một số mục tiêu: 1) giúp sinh viên làm quen với các thông tin cơ bản về địa lý, lịch sử và văn hóa mà mọi người cần biết để trở thành một công dân toàn cầu hiểu biết của thế giới, 2) tạo nền tảng cho các khóa học sau này trong nhiều lĩnh vực trong đó giả định những kiến thức tổng quát như vậy, 3) minh họa sự đa dạng phong phú mà loài người đã tìm thấy để sống trong các nền văn minh và 4) kích thích sự tò mò của bạn để tìm hiểu thêm. Xin lưu ý rằng đây không phải là một khóa học lịch sử truyền thống. Điều này có nghĩa là các nội dung học phần về văn học, kiến trúc, nghệ thuật và âm nhạc không chỉ đơn thuần là bổ sung, mà là một phần cốt lõi của khóa học. Chúng tôi sẽ nhấn mạnh các chủ đề và khuôn mẫu văn hóa hơn là các sự kiện và trình tự thời gian. Bạn sẽ được yêu cầu ghi nhớ rất ít ngày tháng; nhưng bạn sẽ phải theo dõi và so sánh các khái niệm giữa các nền văn minh khác nhau.
5. Thực tập thực tế				
5.1	TOU1323	Thực tập tốt nghiệp	3	Học phần giúp sinh viên: - Tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai; - Vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				duy đã học vào việc quan sát, mô tả hoạt động của đơn vị thực tập; - Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp. Sau khi kết thúc thời gian thực tập sinh viên có thể: - Hiểu và mô tả được những đặc trưng, cơ cấu tổ chức quản lý, chức năng và nhiệm vụ các bộ phận trong đơn vị thực tập; - Mô tả được (những) quy trình nghiệp vụ cụ thể; - Biết, hiểu và vận dụng được những kỹ năng làm việc, kỹ năng chuyên môn tại một bộ phận nghiệp vụ phù hợp ngành, chuyên ngành đào tạo; - Tổng hợp và trình bày được kết quả hoạt động, kết quả kinh doanh của đơn vị trong thời gian gần nhất; - Phát triển khả năng kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế.
5.2	TOU1418	Chuyên đề tốt nghiệp	6	Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một chuyên đề tốt nghiệp/ khóa luận tốt nghiệp. Học phần này có mục tiêu giúp sinh viên: - Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu có thể gắn với hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp cũng có thể là một vấn đề vĩ mô gắn với hoạt động của cả ngành, của thị trường. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định; - Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature
5.3	TOU1419	Khóa luận tốt nghiệp		- Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu có thể gắn với hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp cũng có thể là một vấn đề vĩ mô gắn với hoạt động của cả ngành, của thị trường. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định; - Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt nội dung học phần
				Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography); • Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu. • Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu
6. Kiến thức không tích lũy				
6.1. Giáo dục thể chất				Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam, DanceSport.
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)				Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo kế hoạch giảng dạy và học tập từng năm học của Trường.

2. Một số học phần đặc biệt, thể hiện bản sắc riêng của UEF, được tổ chức đào tạo theo định hướng sau:

- Đào tạo các học phần tiếng Anh: Các học phần ngoại ngữ Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở các học kỳ đầu (HK1, HK2, HK3). Từ HK4 trở đi, bố trí các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn được giảng dạy bằng tiếng Anh) nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

- Đào tạo kỹ năng: Học phần Project Design 1 được giảng dạy ở năm thứ nhất, Project Design 2 được giảng dạy ở năm thứ hai, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó giúp người học phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo; đồng thời giúp phát triển tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề thực tế của người học, nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội thông qua các chủ đề xoay quanh các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), thúc đẩy năng lực học tập suốt đời.

- Đào tạo chuyên môn định hướng nghề nghiệp: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các học phần nhập môn, học phần cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề... Ở học kỳ cuối sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp bắt buộc (toàn thời gian tại đơn vị thực tập, tối thiểu 12 tuần) và chọn thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hoặc chuyên đề tốt nghiệp, hoặc học thay thế bằng 2 học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

3. Các học phần trong chương trình đào tạo được phân định quản lý theo chuyên môn cho các đơn vị khoa/ viện/ trung tâm (gọi chung là đơn vị quản lý học phần) theo Quy định về phân định quản lý sinh viên và học phần hiện hành của Trường

4. Việc thiết kế các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trường về việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học.

5. Các học phần được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất được Hiệu trưởng ban hành.

6. Việc tổ chức giảng dạy và học tập, kiểm tra, đánh giá học phần, xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và các quy chế, quy định có liên quan khác của Trường.

7. Đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định của Trường. Đơn vị quản lý học phần phải lập kế hoạch và thực hiện đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra của học phần theo quy định của Trường.

8. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo,

ban hành theo Quyết định số 714/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật mỗi 02 năm một lần; kết quả rà soát, đánh giá được đơn vị quản lý chương trình áp dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

10. Trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo, nếu phát sinh yêu cầu cần thiết phải điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đơn vị quản lý chương trình đào tạo phải làm tờ trình nêu rõ căn cứ/ lý do của việc điều chỉnh, phạm vi áp dụng, thời điểm bắt đầu áp dụng, nội dung đề nghị điều chỉnh và dự kiến tác động của việc điều chỉnh chương trình đào tạo; kèm theo biên bản họp Hội đồng khoa và các minh chứng cần thiết khác. Việc đề xuất điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo không được làm ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của học kỳ hiện tại. Phòng Đào tạo tiếp nhận tờ trình từ đơn vị quản lý chương trình đào tạo, rà soát và có ý kiến, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

11. Khi có thay đổi về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo hoặc theo yêu cầu điều chỉnh đột xuất chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần phải được rà soát và cập nhật. Đơn vị quản lý học phần phối hợp với đơn vị quản lý chương trình đào tạo tổ chức việc rà soát, cập nhật, ghi rõ thời điểm áp dụng đề cương chi tiết mới cập nhật. Đề cương chi tiết sau khi hoàn tất cập nhật được gửi cho Phòng Đào tạo rà soát, trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt.

12. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Giang